

CÔNG TY TNHH GCAP VN

Thôn Cát Lợi, xã Vĩnh Lương, Tp. Nha Trang, T. Khánh Hòa

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG KHÁNH HÒA	
ĐẾN	Số:..... <u>904</u>
	Ngày:..... <u>23/5/25</u>
Chuyển:.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

HỒ SƠ

**TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
BỘT RONG NHO MẬT ONG**

Hồ sơ gồm có:

1. Bản tự công bố sản phẩm.
2. Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm.
3. Mẫu nhãn dự kiến.

Khánh Hòa, tháng 05 năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/GCAP VN/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH GCAP VN

Địa chỉ: Thôn Cát Lợi, xã Vĩnh Lương, Tp. Nha Trang, T. Khánh Hòa.

Điện thoại: 02583.728.079 - 0905.590.098

Mã số doanh nghiệp: 4201755054

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 33/2023/QLCL-CNĐK, ngày cấp 23/08/2023, nơi cấp Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Trung Bộ.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: BỘT RONG NHO MẬT ONG

2. Thành phần: rong nho tươi 78%, mật ong 8%, đường dừa organic 7%, inulin tự nhiên 5%, gừng 2%.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì sản phẩm.

Bảo quản ở điều kiện thường, nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng gói trong màng nhôm phức hợp, tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Quy cách: khối lượng tịnh 4 gam/túi. hộp giấy: 15 túi x 4 gam/hộp, hoặc theo yêu cầu khách hàng.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Sản phẩm đạt các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo các quy định sau:

1. Chỉ tiêu kim loại nặng: Theo QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm và theo tiêu chuẩn của công ty.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa
01	Cadmi (Cd)	mg/kg	1.0
02	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05
03	Chì (Pb)	mg/kg	2.0
04	arsen	mg/kg	1.0

2. Chỉ tiêu vi sinh vật: Theo tiêu chuẩn của công ty

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
01	Escherichia coli	CFU/g	3
02	Coliforms	CFU/ g	10
03	Salmonella ssp	/25g	Không được có
04	Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	CFU/g	10^3
05	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Nha Trang, ngày 22 tháng 05 năm 2025



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Lê Thị Kim Huệ

MẪU NHÃN DỰ KIẾN

CÔNG TY TNHH GCAP VN

BỘT RONG NHO MẬT ONG

Thành phần: rong nho tươi 78%, mật ong 8%, đường dừa organic 7%, inulin tự nhiên 5%, gừng 2%.

Bảo quản: Bảo quản ở điều kiện thường, nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì sản phẩm.

HDSĐ: Pha một gói rong bột nho lá dứa (4 gam) với 250 ml nước (có thể tăng giảm tùy khẩu vị).

Khuấy đều cho tan bột và uống trực tiếp, thêm chút đá nếu uống lạnh.

Khối lượng tịnh: 4 gam/túi, hộp giấy: 15 túi x 4 gam/hộp, hoặc theo yêu cầu khách hàng...

Thông tin cảnh báo:

- Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng, có nấm mốc, có mùi lạ.
- Không dùng cho người có dị ứng với bất kỳ thành phần nào của sản phẩm.

Sản xuất tại: Công Ty TNHH GCAP VN

Địa chỉ: Thôn Cát Lợi, xã Vĩnh Lương, Tp. Nha Trang, T. Khánh Hòa, Việt Nam.

Website: www.gcapvn.com Email: gcapvn79@gmail.com

Điện thoại: 02583.728.079

Xuất xứ: Việt Nam.

Giá trị dinh dưỡng trong 100 gam

Năng lượng	320 kcal
Protein	1,2 gam
Chất béo	< 0,5 gam
Carbohydrate	64 gam
Natri	150 mg
Đường tổng số	38 g



AR-25-VD-083464-01-VI / EUVNHC-00338230- Trang : 1 / 3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY TNHH GCAP VN

Thôn Cát Lợi, Xã Vĩnh Lương, TP Nha Trang

Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : N6IK2505120119

Mã số mẫu : 743-2025-00080141

Mã số Eol :

005-32410-463122

Tên mẫu :

BỘT RONG NHO MẬT ONG

Tình trạng mẫu :

Mẫu đựng trong bao bì ghép mí

Ngày nhận mẫu :

13/05/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 19/05/2025

Thời gian thử nghiệm :

13/05/2025 - 19/05/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i> -n1	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i> -n2	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i> -n3	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i> -n4	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i> -n5	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i> -n1	/25 g	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện
7	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i> -n2	/25 g	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện
8	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i> -n3	/25 g	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện
9	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i> -n4	/25 g	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện
10	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i> -n5	/25 g	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện
11	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí -n1	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	9.1x10 ³
12	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí -n2	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	9.6x10 ³
13	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí -n3	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	9.2x10 ³
14	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí -n4	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	9.2x10 ³
15	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí -n5	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	9.6x10 ³
16	VD340 VD (a) Coliforms -n1	cfu/ g	TCVN 4882:2007; ISO 4831:2006	Không phát hiện (LOD=10)
17	VD340 VD (a) Coliforms -n2	cfu/ g	TCVN 4882:2007; ISO 4831:2006	Không phát hiện (LOD=10)

EUROFINS SAC KY HAI DANG COMPANY LIMITED

[1] HCMC laboratory: Lot E2b-3, Street D8, Sai Gon High-Tech Park, Thu Duc City, HCMC.

[2] Can Tho branch: KVIP, Tra Noc 2 IP, O Mon District, Can Tho City.

[3] Hanoi branch: 4F, B Building, 103 Van Phuc, Ha Dong District, Ha Noi.

Web: www.eurofins.vn

Phone: (84 28) 7107 7879

Email: VN01_ASM_HCMC@eurofinsasia.com

Document number: EVN-P-AR-FO3559

Version: 10

Effective date: 24/05/2023



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00080141

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
18	VD340 VD (a) Coliforms -n3	cfu/ g	TCVN 4882:2007; ISO 4831:2006	Không phát hiện (LOD=10)
19	VD340 VD (a) Coliforms -n4	cfu/ g	TCVN 4882:2007; ISO 4831:2006	Không phát hiện (LOD=10)
20	VD340 VD (a) Coliforms -n5	cfu/ g	TCVN 4882:2007; ISO 4831:2006	Không phát hiện (LOD=10)
21	VD384 VD (a) Tổng số nấm men và nấm mốc -n1	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	5.8x10 ²
22	VD384 VD (a) Tổng số nấm men và nấm mốc -n2	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	8.1x10 ²
23	VD384 VD (a) Tổng số nấm men và nấm mốc -n3	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	5.4x10 ²
24	VD384 VD (a) Tổng số nấm men và nấm mốc -n4	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	7.8x10 ²
25	VD384 VD (a) Tổng số nấm men và nấm mốc -n5	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	6.2x10 ²
26	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	29.8
27	VD210 VD (a) Độ ẩm	%	EVN-R-RD-2-TP-3496 (Tham khảo FAO Food 14/7-1986)	2.97
28	VD297 VD (a) Tro tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3497 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	0.98
29	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	0.068
30	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
31	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	0.52
32	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
33	VDERJ VD (m) Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	64.8
34	VDYL7 VD (a) Chất béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	Phát hiện vết (<0.3)
35	VDS54 VD (a) Chất đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	1.26
36	VD4P0 VD (a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	38.2
37	VD4P0 VD (a) Fructose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	2.72
38	VD4P0 VD (a) Glucose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	2.61

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00080141

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
09	VD4P0 VD (a) Lactose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
10	VD4P0 VD (a) Maltose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
11	VD4P0 VD (a) Sucrose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	32.9
12	VD9T0 VD (m) Năng lượng (tính theo Carbohydrat không bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	325
13	VD6ZP VD (a) Natri (Na)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	175

Phát hiện vết: kết quả \geq LOD và $<$ LOQ.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 19/05/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 19/05/2025.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN, A39, N79, EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ, ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VV" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG.

(a) được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m) được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.



Mã số mẫu / Sample code Nr. : 743-2025-00080141

Mã số kết quả / Analytical Report Nr. : AR-25-VD-083464-01 / EUVNHC-00338230

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)		
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g	
Năng lượng	325	kcal
Chất đạm	1.26	g
Carbohydrat	64.8	g
Đường tổng số	38.2	g
Chất béo	0.15	g
Natri	175	mg

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo, Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành./ Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is reference only. The customer should update it and comply with regulation currently.

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 05 năm 2025

Số: 01-2025/GCAP VN

Về việc thay đổi mẫu nhãn sản phẩm trong hồ sơ
tự công bố

Kính gửi: Sở Nông Nghiệp và Môi Trường

Ngày 19/07/2023 Công ty TNHH GCAP VN đã nộp và được đăng tải hồ sơ Tự công bố theo giấy tiếp nhận số 162/2023/TCB ngày 19/07/2023 của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản đối với sản phẩm Rong Nho GREEN FOOD số công bố 01-2023/GCAPVN/2023 ngày 14/07/2023

Trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty nhận thấy cần bổ sung, thay đổi mẫu nhãn sản phẩm so với mẫu nhãn sản phẩm công bố trước đây. Mẫu nhãn sản phẩm mới chỉ thay đổi về màu sắc, bố cục của nhãn so với nhãn cũ, còn các nội dung khác không thay đổi. Chúng tôi cam kết và hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự thay đổi này. Mẫu nhãn thay đổi như sau:

Mẫu nhãn sản phẩm đã công bố:



HP Hàng Hiệu Mã Sản Phẩm	Màu Xanh Mã Sản Phẩm	Ngày Mã Sản Phẩm
01-2025/GCAP VN	01-2025/GCAP VN	01-2025/GCAP VN
01-2025/GCAP VN	01-2025/GCAP VN	01-2025/GCAP VN

Vì trong quá trình chính phủ không tránh khỏi sai sót và sự cố nên chỉ liệt nên quý khách vui lòng kiểm tra kỹ
QUY CÁCH + NỘI DUNG + LỖI CHÍNH TẢ + MÀU SẮC + KÍCH THƯỚC FILE
 Vì in ghép nhiều sản phẩm để giảm giá thành, nên chúng tôi không thể đảm bảo tuyệt đối
 màu sắc cũng như sự đồng nhất màu kích thước file = 2mm
MÀU SẮC TRÊN MÀN HÌNH KHÔNG ĐÚNG VỚI MÀU SẮC THÀNH PHẨM THỰC TẾ
 Sau khi kỹ duyệt hoặc duyệt qua mail, bản, quý khách chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung xuất bản.
MÀU IN SECRET ĐẠT 25% - 30 % SÓ VỚI FILE DUYỆT

Mẫu nhãn sản phẩm thay đổi:



11 CM 3 CM 11 CM 3 CM



RONG NHO Green Food

RONG NHO TÁCH NƯỚC
Dehydrated Sea Grapes

100%
Natural



GCAP VN Green Food
CÔNG TY TNHH GCAP VN

Khối Lượng Tịnh: 5 x 20 g

**RONG NHO
Green Food**



Nutrition Facts	
Energy (kcal)	100
Protein (g)	10
Carbohydrate (g)	10
Fiber (g)	10
Sodium (mg)	10
Total Fat (g)	10
Total Sugar (g)	10
Total Fat (g)	10
Total Sugar (g)	10
Total Fat (g)	10
Total Sugar (g)	10
Total Fat (g)	10
Total Sugar (g)	10

Cách dùng rong nho How to prepare

Chỉ cần rửa rong nho 30 giây để rửa sạch muối biển, ngâm trong 3 phút, rửa sạch rồi để ráo nước.

Chỉ cần rửa rong nho 30 giây để rửa sạch muối biển, ngâm trong 3 phút, rửa sạch rồi để ráo nước.

Chỉ cần rửa rong nho 30 giây để rửa sạch muối biển, ngâm trong 3 phút, rửa sạch rồi để ráo nước.

Thành phần Ingredients
Rong nho tươi, muối biển, nước lọc.

Bào quản và hạn sử dụng Storage
Bảo quản trong túi hút chân không, tránh ánh sáng trực tiếp, nơi khô ráo, thoáng mát. Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Lưu ý Note
Không sử dụng sản phẩm đã hết hạn sử dụng.
Không sử dụng sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng.
Do not consume the expired product.
Do not consume the product with signs of spoilage.

Sản phẩm của CÔNG TY TNHH GCAP VN
Product of GCAP VN

Thị trấn Cầu Lộ, Xã Cầu Lộ, Huyện Cầu Lộ, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ: Cầu Lộ, Xã Cầu Lộ, Huyện Cầu Lộ, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

Số điện thoại: 0912 123 456

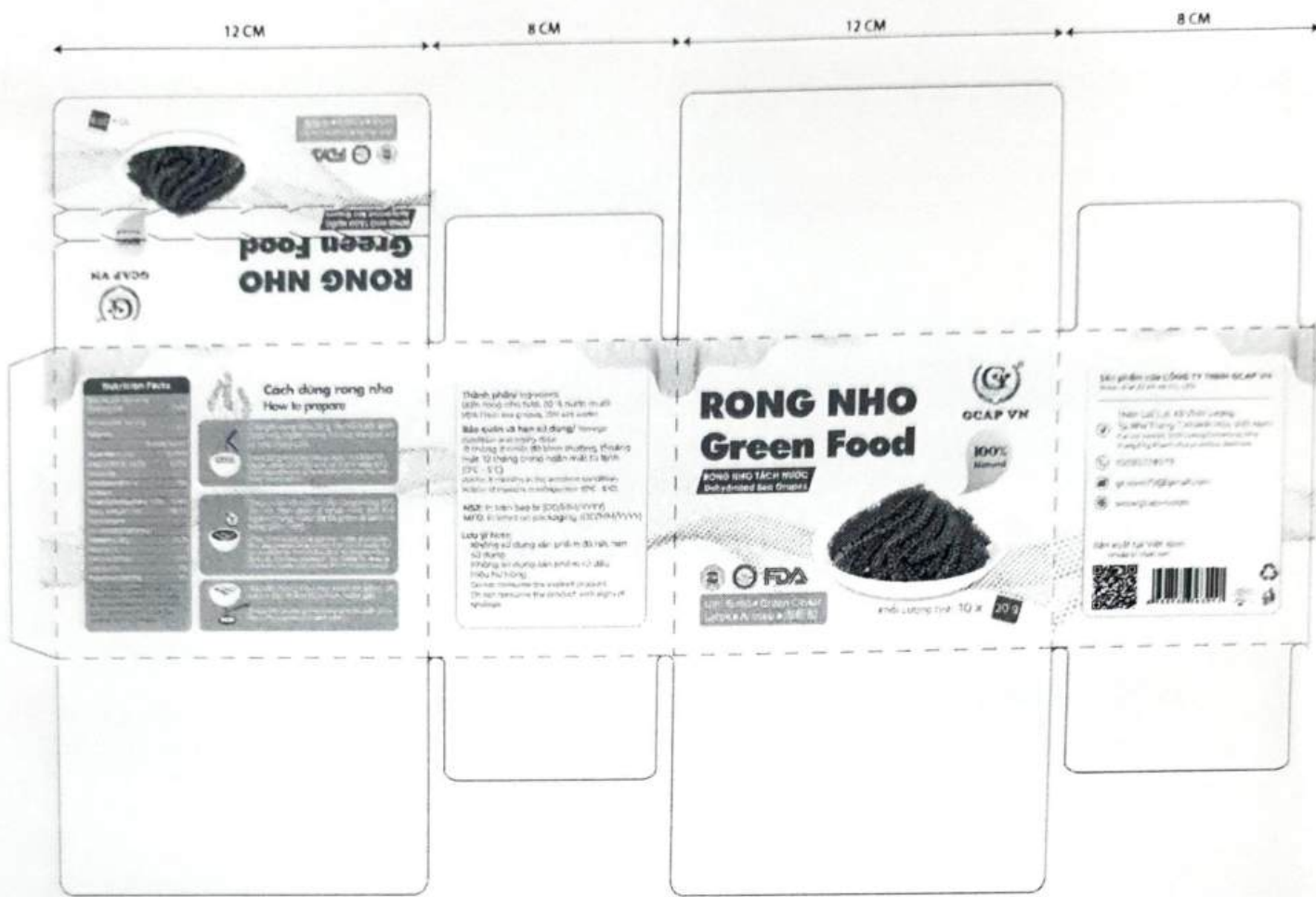
Email: info@gcap.vn

Website: www.gcap.vn

Sản xuất tại Việt Nam
Made in Vietnam

19 CM

54
TY
H
VI
KHA



Công ty TNHH GCAP VN thông báo đến Sở Nông Nghiệp và Môi Trường về các nội dung thay đổi trên nhãn và Công ty cam kết chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật liên quan hiện hành.

Trân trọng!./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Gcap.

GIÁM ĐỐC
(ghi rõ họ tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Tạ Thị Kim Huệ

CỤC CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN
VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN
VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG VÙNG 3

Địa chỉ: 1105 Lê Hồng Phong, Nha Trang, Khánh Hòa

Điện thoại: (+84) 258 3884812 - 258 3882097

Website: www.nafiqpm3.vn

NATIONAL AGRO-FORESTRY-FISHERY QUALITY, PROCESSING
AND MARKET DEVELOPMENT AUTHORITY

NAFIQPM CENTER 3

Address: 1105 Le Hong Phong st., Nha Trang city -

Khanh Hoa province - Vietnam

Tel.: (+84) 258 3884812 - 258 3882097

Website: www.nafiqpm3.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

Số / No.: HACCP.011.2.23

Chứng nhận Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP) của:
This is to certify that the Hazard Analysis and Critical Control Point System (HACCP) of

CÔNG TY TNHH GCAP VN
GCAP VN LIMITED COMPANY

Địa chỉ / Address:

Thôn Cát Lợi, xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Cat Loi Village, Vinh Luong ward, Nha Trang city, Khanh Hoa province, Vietnam

Cho lĩnh vực / for the following activities:

**Sản xuất Rong nho biển tươi, Rong nho muối, Rong sụn biển khô,
Rong sụn biển muối, Bột rong nho và Trà rong biển**

*Processing of Fresh Seagrapes, Salted Seagrapes, Dried Sea Moss,
Salted Sea Moss, Seagrapes Powder and Seaweed Tea Filter Bag*

Đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn:

Has been assessed and found to conform with requirements of the following standards

- CXC 1-1969, Rev. 2020: General principles of food hygiene
- US FDA – 21 CFR 123: Fish and Fishery products "Mandatory Seafood HACCP Regulations" and US FDA – 21 CFR 110: Current Good Manufacturing Practice in Manufacturing, Packing, or Holding Human Food

Giấy chứng nhận có hiệu lực từ/ This certificate is valid from:

14/9/2023 đến / to 14/9/2026



GIÁM ĐỐC

Director of NAFIQPM Center 3

Lê Hoàng Lâm